

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: **2116**/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày **18** tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;

Căn cứ Công văn số 274/BKHĐT-PTDN ngày 12/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn ngân sách trung ương năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 55/TTr-SKHĐT ngày 26/5/2023 và Công văn số 2041/SKHĐT-DN ngày 08/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2023 cụ thể như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2023 đảm bảo hiệu quả, đúng quy định. Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCTM. *re*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



***Lê Đức Tiên**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁO NHIỆM VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **2116/QĐ-UBND** ngày **18/9/2023** của UBND tỉnh)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV (Nghị định 80);
- Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định 80;
- Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ;
- Công văn số 274/BKHĐT-PTDN ngày 12/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn ngân sách trung ương năm 2023;

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- Hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh, giúp các DNNVV ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh để đóng góp ngày càng cao vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.
- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ DNNVV của Trung ương và Tỉnh nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển, tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, ổn định để các DNNVV trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phát triển;
- Đào tạo khởi sự doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao kiến thức, sự tự tin cho các đối tượng được đào tạo; qua đó, góp phần khơi dậy phong trào khởi nghiệp sâu rộng, khuyến khích ham muốn thành lập doanh nghiệp, khát vọng làm giàu trong nhân dân; nâng cao khả năng lãnh đạo, xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phát triển và gia tăng số lượng, chất lượng các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến có lợi thế cạnh tranh của tỉnh Quảng Trị;
- Góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Quảng Trị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đóng góp hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị.

2. Yêu cầu

- Công tác hỗ trợ DNNVV đảm bảo nguyên tắc, nội dung, quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn liên quan, công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

- Các cấp, các ngành chủ động tổ chức triển khai thực hiện một cách cụ thể, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tăng cường sự thống nhất, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành nhằm triển khai có hiệu quả, theo tinh thần chủ động, tích cực, linh hoạt, sáng tạo, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Hỗ trợ công nghệ

1.1. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ: theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ

1.2. Nội dung hỗ trợ

1.2.1. Tư vấn chiến lược, tư vấn triển khai để doanh nghiệp tự động hoá quy trình sản xuất, kinh doanh, quản trị, công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh (tư vấn về chuyển đổi số)

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

- Số lượng dự kiến: tối đa 05 doanh nghiệp trong đó 03 doanh nghiệp nhỏ và 02 doanh nghiệp vừa.

- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 350 triệu đồng.

- Đơn vị đầu mối: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông (đơn vị phối hợp: Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh).

1.2.2. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ, ứng dụng các giải pháp trên nền tảng số

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

Số lượng dự kiến: tối đa 03 doanh nghiệp trong đó 01 doanh nghiệp siêu nhỏ và 02 doanh nghiệp nhỏ, hoặc 01 doanh nghiệp siêu nhỏ và 01 doanh nghiệp vừa.

Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 120 triệu đồng.

Đơn vị đầu mối: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông (phối hợp Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh).

2. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

2.1. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo: theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

2.1.2. Nội dung hỗ trợ

2.2.1. Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp

- Số lượng dự kiến: tối đa 01 doanh nghiệp.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 30 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp

- Số lượng dự kiến: tối đa 01 doanh nghiệp.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 30 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Số lượng dự kiến: tối đa 01 doanh nghiệp.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 50 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Khoa học và Công nghệ.

2.2.2. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Số lượng dự kiến: tối đa 04 doanh nghiệp.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 80 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Khoa học và Công nghệ.

2.2.4. Hỗ trợ công nghệ

Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Số lượng dự kiến: tối đa 02 doanh nghiệp.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 100 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Hỗ trợ tư vấn

Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội

- Số lượng dự kiến: tối đa 01 doanh nghiệp.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 80 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Kế hoạch và Đầu tư

4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp (Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Miễn học phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội).

- Số lượng dự kiến: Tối đa 08 khóa tập huấn.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 475 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

5.1. Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp

- Số lượng dự kiến: tối đa 01 doanh nghiệp.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 30 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp

- Số lượng dự kiến: tối đa 01 doanh nghiệp.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 30 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Công Thương.

5.2. Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp

- Số lượng dự kiến: tối đa 01 doanh nghiệp.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 10 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Công Thương.

b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

- Số lượng dự kiến: tối đa 02 doanh nghiệp.
- Kinh phí hỗ trợ dự kiến: 40 triệu đồng.
- Đơn vị đầu mối: Sở Công Thương.

C. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí:

Ngân sách Trung ương đã được phê duyệt theo Văn bản số 274/BKHĐT-PTDN ngày 12/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 1.500.000.000 đồng

2. Tổng kinh phí thực hiện: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), gồm:

2.1. Kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ DNNVV của Kế hoạch: 1.425.000.000 đồng, trong đó:

- (1) Kinh phí hỗ trợ công nghệ: 470.000.000 đồng
- (2) Kinh phí hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo: 290.000.000 đồng.
- (3) Kinh phí hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực: 475.000.000 đồng
- (4) Kinh phí hỗ trợ tư vấn cho DNNVV, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị: 190.000.000 đồng.

2.2. Đơn vị quản lý trực tiếp hoạt động hỗ trợ DNNVV được trích lập tối đa 5% kinh phí hỗ trợ DNNVV giao cho đơn vị để thực hiện nhiệm vụ: 75.000.000 đồng.

(Phụ lục dự toán hoạt động hỗ trợ kèm theo)

V. THỜI GIAN, QUY TRÌNH, THỦ TỤC HỖ TRỢ

1. Thời gian thực hiện: Trong năm 2023

2. Quy trình, hồ sơ, thủ tục hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định 80 và các văn bản hướng dẫn liên quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Làm nhiệm vụ, cơ quan đầu mối, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp triển khai thực hiện công tác hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh; Kịp thời đề xuất tôn vinh DNNVV có thành tích, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức hướng dẫn, phổ biến các quy định về công tác hỗ trợ DNNVV cho các đơn vị có liên quan để nắm bắt và thực hiện.

- Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chủ trì và phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ.

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai và kết quả thực hiện, định kỳ năm theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ DNNVV năm 2023 (theo Công văn số 274/BKHĐT-PTND ngày 12/01/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư), báo cáo UBND tỉnh xem xét cấp kinh phí cho đơn vị thực hiện.

- Hướng dẫn các đơn vị có liên quan về hồ sơ, thủ tục thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thành phố, Thị xã

Theo chức năng nhiệm vụ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được phân công, phê duyệt; theo dõi kiểm tra, giám sát tiến độ

và kết quả thực hiện; có giải pháp xử lý phù hợp, kịp thời, linh hoạt; đồng thời kiến nghị, đề xuất những giải pháp chỉ đạo, điều hành hiệu quả nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp của tỉnh; Phối hợp thông báo rộng rãi tới các doanh nghiệp trên địa bàn để các doanh nghiệp biết, tham gia triển khai các nội dung hỗ trợ.

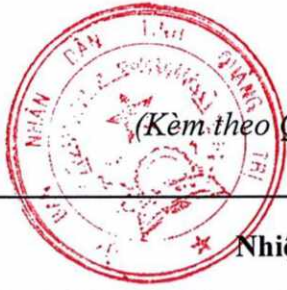
Định kỳ hàng năm, thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện của ngành, đơn vị mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

4. Các hội, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Thông tin phổ biến vận động hội viên tích cực tham gia hưởng ứng thực hiện Kế hoạch. Thực hiện có hiệu quả việc kết nối cộng đồng doanh nghiệp tham gia triển khai thực hiện Kế hoạch; Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp để kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan kịp thời tháo gỡ, tạo môi trường tốt nhất cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển bền vững.

5. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Thông tin phổ biến vận động hội viên tích cực tham gia hưởng ứng thực hiện Kế hoạch. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện có hiệu quả việc kết nối cộng đồng doanh nghiệp tham gia triển khai thực hiện Kế hoạch; Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp để kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan kịp thời tháo gỡ, tạo môi trường tốt nhất cho doanh nghiệp hoạt động và phát triển bền vững./.



PHỤ LỤC KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Nhiệm vụ	Kinh phí (triệu đồng)	Căn cứ thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện
I	CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỂ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ VÀ HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO	800		
1	Hỗ trợ công nghệ	470		
1.1	<i>Tư vấn chiến lược, tư vấn triển khai để doanh nghiệp tự động hoá quy trình sản xuất, kinh doanh, quản trị, công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh (tư vấn về chuyển đổi số)</i>	350		
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa	350	Khoản 1 Điều 11 ND 80; Điều 7 TT 06	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông
1.2	<i>Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ, ứng dụng các giải pháp trên nền tảng số</i>	120		
-	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.	120	Khoản 2 Điều 11 ND 80; Điều 7 TT 06	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông
2	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo	290		
2.1	<i>Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ</i>	110		
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	30	Khoản 2 Điều 22 ND 80	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	30	Khoản 2 Điều 22 ND 80	Sở Khoa học và Công nghệ

-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	50	Khoản 2 Điều 22 ND 80	Sở Khoa học và Công nghệ
2.2	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới	80		
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đề doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	80	Khoản 3 Điều 22 ND 80	Sở Khoa học và Công nghệ
2.3	Hỗ trợ công nghệ	100		
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	100	Khoản 4 Điều 22 ND80	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Chi phí quản lý trực tiếp hoạt động hỗ trợ DNNVV (5%)	40	Điểm a, c khoản 1 Điều 6 TT06	
II	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO ĐỂ THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHO DNNVV	500		
1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	475		
-	Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp (Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh và tối đa 70% tổng chi phí của một khóa quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Miễn học phí cho học viên của doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội)	475	Khoản 1, 2, 3 Điều 14 ND 80; Điều 11, 12, 13 TT06	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Chi phí quản lý trực tiếp hoạt động hỗ trợ DNNVV (5%)	25	Điểm a, c khoản 1 Điều 6 TT06	
III	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỂ THỰC HIỆN HỖ TRỢ TƯ VẤN CHO DNNVV, HỖ TRỢ DNNVV THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ	200		
1	Hỗ trợ tư vấn	80		
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ hoặc không quá 150 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp xã hội	80	Khoản 2 Điều 13 ND 80	Sở Kế hoạch và Đầu tư

2	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	110		
2.1	Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh	60		
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	30	Điểm a Khoản 2 Điều 25 NĐ80	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	30	Điểm b Khoản 2 Điều 25 NĐ80	Sở Công Thương
2.2	Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường	50		
-	Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	10	Khoản 3 Điều 25 NĐ 80	Sở Công Thương
-	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp	40	Khoản 3 Điều 25 NĐ 80	Sở Công Thương
3	Chi phí quản lý trực tiếp hoạt động hỗ trợ DNNVV (5%)	10	Điểm a, c khoản 1 Điều 6 TT 06	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương
TỔNG KINH PHÍ		1.500		

(Bảng chữ: Một tỷ năm trăm nghìn đồng)

* Ghi chú: Các đơn vị được giao quản lý trực tiếp hoạt động hỗ trợ DNNVV được trích lập tối đa 5% kinh phí được giao cho đơn vị để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 06/TT-BKHĐT.